

Số: 40/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 25/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Đặng Lê Ngọc M**, sinh năm: 1990; nơi thường trú: tổ D, khu phố H, phường H, tỉnh Quảng Ninh; Nơi tạm trú: tổ D, khu F, phường H, tỉnh Quảng Ninh

- Anh **Bùi Văn Q**, sinh năm: 1987; nơi cư trú: tổ D, khu phố H, phường H, tỉnh Quảng Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Lê Ngọc M và anh Bùi Văn Q chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 15/8/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng về các vấn đề kinh tế, chăm sóc con chung, cả hai không tìm được tiếng nói chung, đến nay cả hai đã không còn tình cảm dành cho nhau. Không thể tiếp tục chung sống, chị M và anh Q đã sống ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân cả hai đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Chị M và anh Q đã nhiều lần tự giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải, phân tích giúp vợ chồng hàn gắn nhưng cũng không thành công. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không

hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, nên chị Đặng Lê Ngọc M và anh Bùi Văn Q thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: chị Đặng Lê Ngọc M và anh Bùi Văn Q có 01 (một) con chung là Bùi Thiên A, sinh ngày 13/6/2014. Chị M và anh Q thống nhất: chị Đặng Lê Ngọc M là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Thiên A đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: chị M và anh Q thỏa thuận: anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng trên tháng) kể từ tháng 02 năm 2026 đến khi con chung thành niên.

[3] Về tài sản chung: chị Đặng Lê Ngọc M và anh Bùi Văn Q thống nhất không có tài sản chung.

[4] Về khoản nợ chung: chị Đặng Lê Ngọc M và anh Bùi Văn Q thống nhất không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: chị Đặng Lê Ngọc M và anh Bùi Văn Q thỏa thuận thống nhất: chị Đặng Lê Ngọc M tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Lê Ngọc M và anh Bùi Văn Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Đặng Lê Ngọc M và anh Bùi Văn Q có 01 (một) con chung là Bùi Thiên A, sinh ngày 13/6/2014. Khi ly hôn, chị Đặng Lê Ngọc M là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Thiên A đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh Bùi Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng trên tháng). Thời gian cấp dưỡng: từ tháng 02 năm 2026 đến khi con chung thành niên.

- Về tài sản chung: chị Đặng Lê Ngọc M và anh Bùi Văn Q thống nhất không có tài sản chung.

- Về các khoản nợ chung: chị Đặng Lê Ngọc M và anh Bùi Văn Q thống nhất không có nợ chung.

- Về lệ phí Tòa án: chị Đặng Lê Ngọc M tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,

thoả thuận nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000176 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Đặng Lê Ngọc M đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Vũ Công Mười